

Họ tên: \_\_\_\_\_ Ngày nộp: \_\_\_\_\_

| STT | Giấy tờ                                                           | Đã chuẩn bị              |                          | Trước khi nộp               |
|-----|-------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| 1   | <b>Tờ khai xin đổi tư cách lưu trú</b><br>在留資格変更許可申請書             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Ký tên · đủ trang           |
| 2   | <b>Ảnh 3×4cm</b><br>証明写真                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Dán ảnh · ghi tên sau ảnh   |
| 3   | <b>Hộ chiếu</b><br>パスポート                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Bản gốc + photo màu         |
| 4   | <b>Thẻ cư trú</b><br>在留カード                                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Bản gốc + photo màu         |
| 5   | <b>Hợp đồng lao động</b><br>雇用契約書                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Soát tên · ngày             |
| 6   | <b>Khám sức khỏe</b><br>健康診断個人票 · 受診者の申告書                         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Soát tên · ngày             |
| 7   | <b>Chứng chỉ nghề</b><br>技能検定1級 · 特定技能2号評価試験の合格証明書                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Soát tên · ngày             |
| 8   | <b>Giấy kinh nghiệm</b><br>実務経験証明書                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Soát tên · ngày             |
| 9   | <b>Giấy thu nhập – năm đã đóng xong thuế</b><br>個人住民税の課税証明書（完納年度） | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Bản gốc · cấp trong 3 tháng |
| 10  | <b>Giấy nộp thuế – năm đã đóng xong thuế</b><br>個人住民税の納税証明書（完納年度） | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Bản gốc · cấp trong 3 tháng |
| 11  | <b>Giấy khấu trừ thuế</b><br>源泉徴収票                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Soát tên · ngày             |
| 12  | <b>Hiệp định 2 nước</b><br>二国間取決めに係る書類                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> | Soát tên · ngày             |

※ Bảng này để tự kiểm tra, KHÔNG nộp cho Cục. Giấy tùy trường hợp (ngành cần chứng chỉ quản lý sản xuất · tự đóng 国民年金 / 国民健康保険...): xem phần hướng dẫn. **visa.iikanzi.jp**